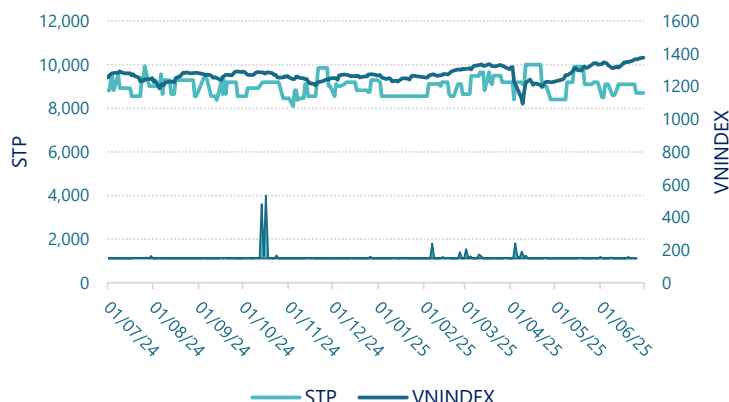


CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX: STP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,096
SL cổ phiếu LH	8,022,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)	595
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	13.4
EPS	649

DT thuần

Q2/25

46.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.40 | -16.7%

YoY: ▼10.8 | -18.7%

LN sau thuế

Q2/25

-0.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.59 | -101%

YoY: ▼0.51 | -107%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.0%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

6T 2025

103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00 | 0.6%

LN sau thuế

6T 2025

2.53

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.96 | -27.4%

ROE

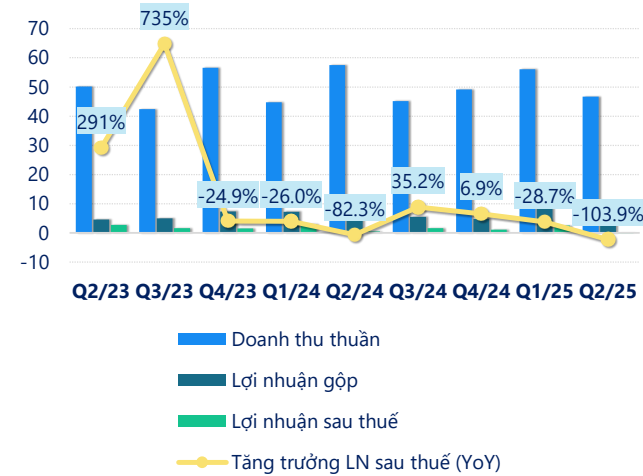
Q2/25

3.8%

+/- YoY: ▼ 1.0%

tỷ VNĐ

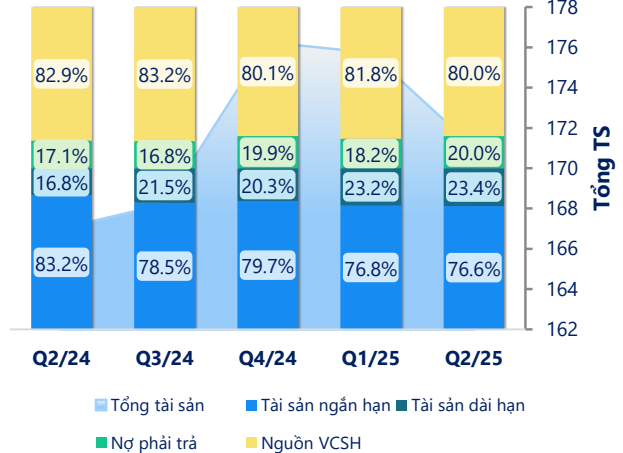
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

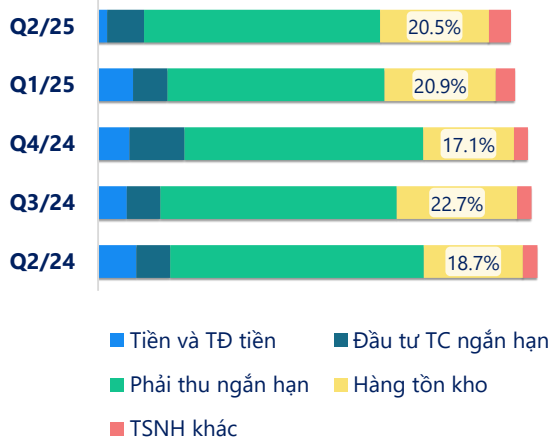
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



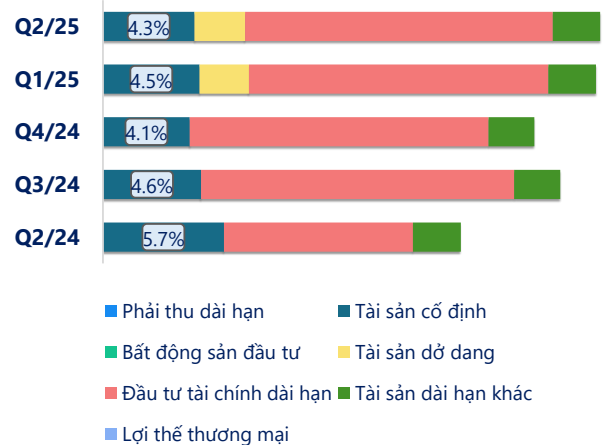
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

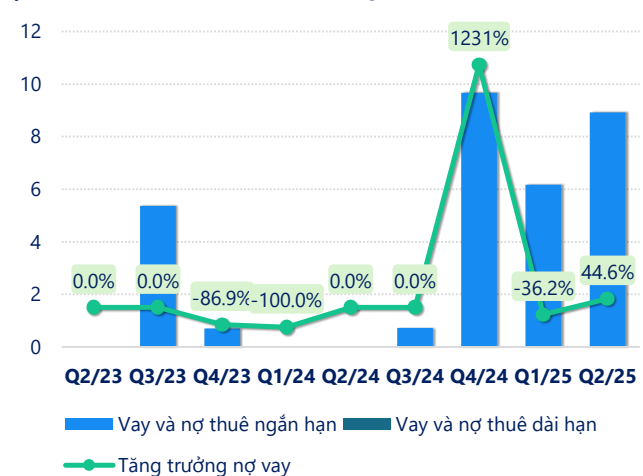
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

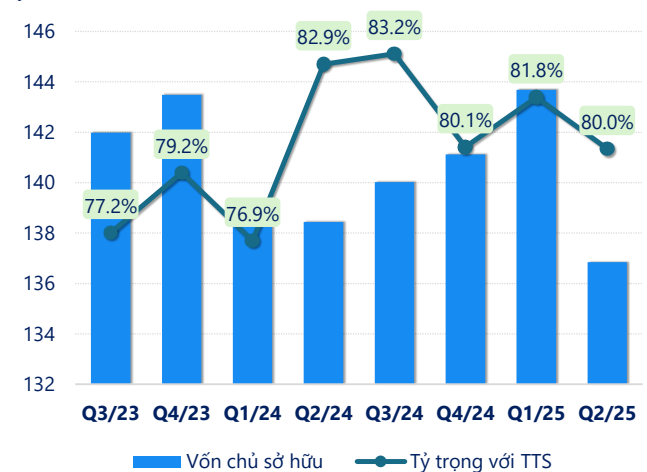
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

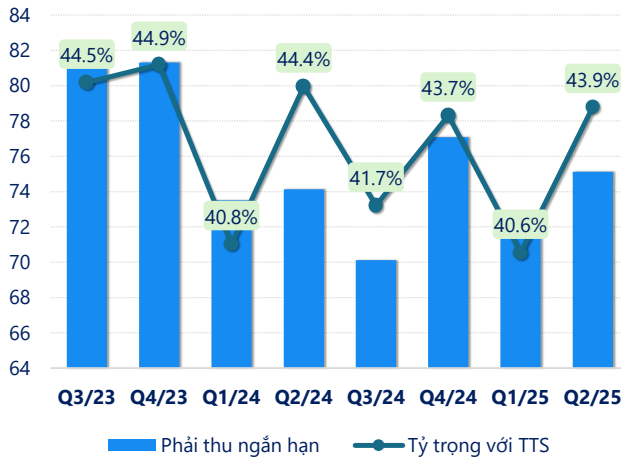
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



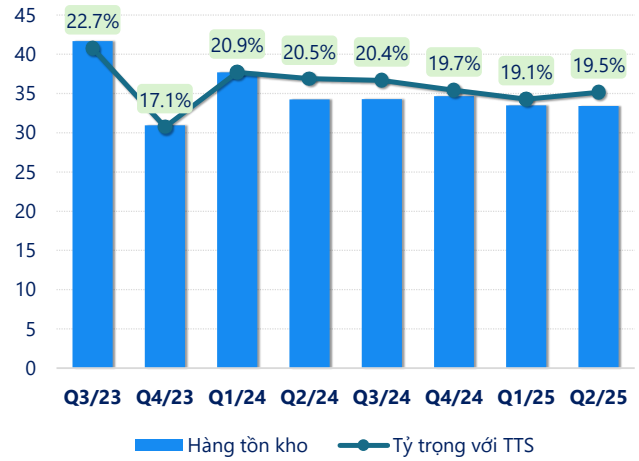
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


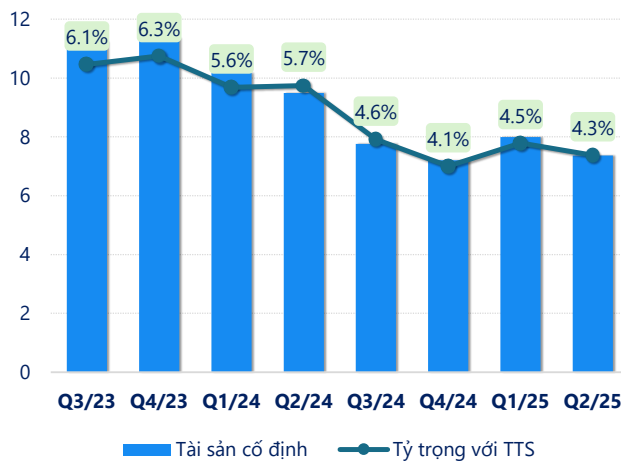
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


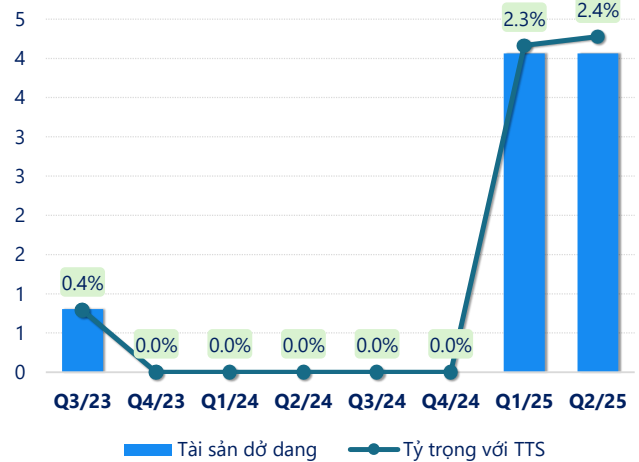
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

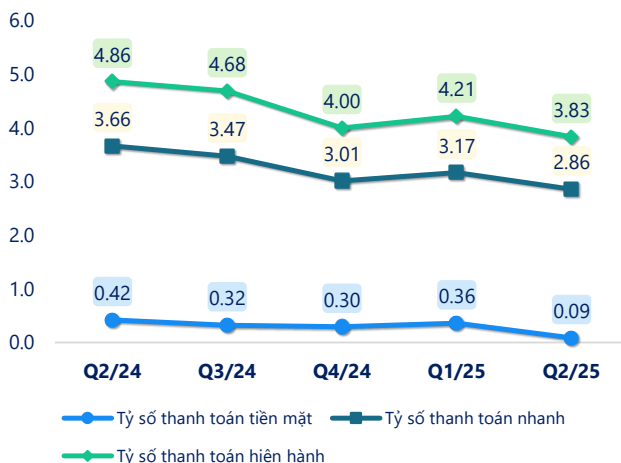
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

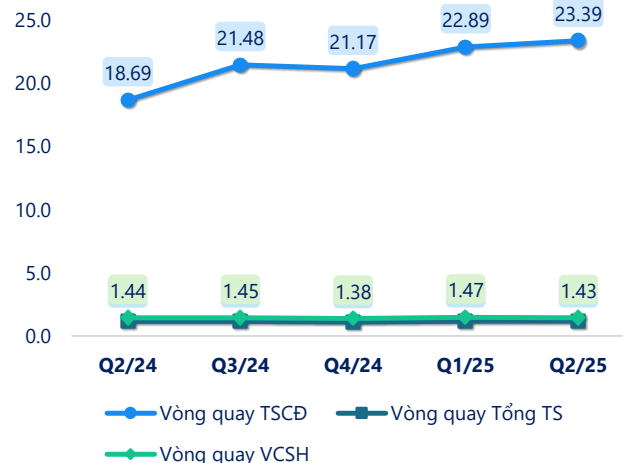
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	167	168	176	176	171
Tài sản ngắn hạn	139	132	140	135	131
Tiền và tương đương tiền	12.0	9.13	10.4	11.5	2.93
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.6	11.1	10.8	10.8	11.5
Phải thu ngắn hạn	74.1	70.1	77.1	71.4	75.1
Hàng tồn kho	34.2	34.3	34.7	33.5	33.4
Tài sản ngắn hạn khác	6.92	7.43	7.53	7.79	8.06
Tài sản dài hạn	28.1	36.2	35.8	40.7	40.0
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	9.49	7.76	7.20	7.99	7.36
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	4.07	4.07
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	24.8	24.8	24.8	24.8
Tài sản dài hạn khác	3.77	3.65	3.80	3.92	3.81
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	28.6	28.2	35.1	32.1	34.2
Nợ ngắn hạn	28.6	28.2	35.1	32.1	34.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.73	9.67	6.17	8.92
Phải trả người bán ngắn hạn	20.7	20.1	15.4	19.8	22.2
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	138	140	141	144	137
Vốn chủ sở hữu	138	140	141	144	137
Vốn điều lệ	80.5	80.5	80.5	80.5	80.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)